

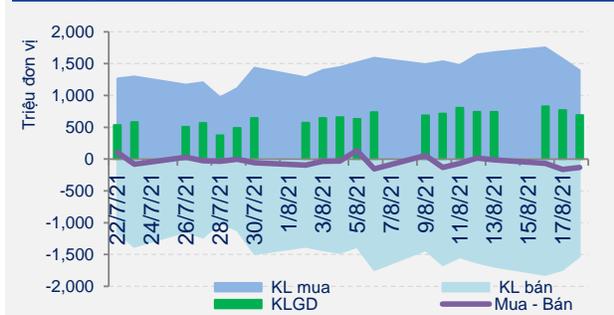
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 18/8/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,360.94	344.82
% Thay đổi	↓ -0.16%	↑ 0.50%
KLGD (CP)	689,775,455	157,343,434
GTGD (tỷ đồng)	24,406.43	4,217.26
Tổng cung (CP)	1,528,392,400	237,268,000
Tổng cầu (CP)	1,395,283,200	211,834,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	53,308,808	3,008,719
KL mua (CP)	18,225,808	2,193,406
GT mua (tỷ đồng)	859.11	88.08
GT bán (tỷ đồng)	2,740.81	128.73
GT ròng (tỷ đồng)	(1,881.70)	(40.65)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.15%	22.6	3.8	1.1%
Công nghiệp	↑ 0.08%	18.7	3.0	10.8%
Dầu khí	↑ 0.37%	16.2	1.8	3.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.53%	-	8.6	2.4%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.24%	17.1	2.5	1.0%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.73%	20.1	4.1	8.9%
Ngân hàng	↓ -0.61%	12.1	2.5	21.8%
Nguyên vật liệu	↑ 0.13%	12.4	2.7	16.2%
Tài chính	↓ -0.22%	17.3	3.4	33.5%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.35%	15.1	2.6	1.1%
VN - Index	↓ -0.16%	16.6	3.2	
HNX - Index	↑ 0.50%	17.6	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh nhẹ trong phiên thứ hai liên tiếp với thanh khoản tiếp tục cao hơn mức trung bình. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 2,15 điểm (-0,16%) xuống 1.360,94 điểm; HNX-Index tăng 1,71 điểm (+0,5%) lên 344,82 điểm. Khối lượng khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên với 790 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh đạt 26.450 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 331 mã tăng, 120 mã tham chiếu, 286 mã giảm. Thị trường giao dịch với sắc xanh trong phần lớn thời gian phiên hôm nay nhưng áp lực bán gia tăng về cuối phiên khiến chỉ số VN-Index và VN30 kết phiên trong sắc đỏ. Phiên hôm nay không phải một phiên tích cực với nhóm ngân hàng khi nhóm này đồng loạt giảm giá. Trong đó, phải kể đến BID (-0,7%), TCB (-0,9%), VPB (-1,7%) là những mã cổ phiếu tác động tiêu cực tới thị trường nhất trong nhóm ngân hàng. Các cổ phiếu lớn trong nhóm bất động sản gồm VHM (-0,9%), VIC (-1%), NVL (-0,2%), VRE (-0,9%) cũng giảm theo xu hướng thị trường. Ở chiều ngược lại, nhóm chứng khoán có diễn biến khá tích cực. Hầu hết các mã trong nhóm đều tăng, thậm chí APG (+6,8%), EVS (+9,7%), TVB (+9,6%), VIX (+6,9%) thậm chí tăng trần. Tuy vậy, SSI (-1,8%) và FTS (-0,2%) lại giảm nhẹ. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh với hơn 1.900 tỷ đồng trên hai sàn. Đây là phiên bán ròng thứ 8 liên tiếp của khối này.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index (-0,16%) điều chỉnh nhẹ trong phiên thứ hai liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra trong phiên hôm nay là khá mạnh. Trên góc nhìn kỹ thuật, với hai phiên điều chỉnh nhẹ gần đây thì chỉ số VN-Index vẫn đang giao dịch trong vùng giá giằng co với vùng kháng cự gần nhất trong khoảng 1.370-1.380 điểm và vùng hỗ trợ gần nhất trong khoảng 1.325-1.350 điểm. Sẽ cần sự bứt phá ra khỏi một trong hai vùng giá kể trên để thay đổi xu hướng hiện tại. Phiên tiếp theo là ngày đáo hạn của hợp đồng tương lai VN30 tháng 8/2021 nên những biến động mạnh có thể diễn ra về cuối phiên, nhà đầu tư cần lưu ý điều này. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 19/8, VN-Index có thể tiếp tục giằng co và rung lắc với vùng kháng cự trong khoảng 1.370-1.380 điểm và vùng hỗ trợ trong khoảng 1.325-1.350 điểm. Nhà đầu tư đã chốt lời dần danh mục trong tuần trước nên đứng ngoài và quan sát thị trường trong tuần này, chưa nên mua thêm ở vùng giá hiện tại.



TIN TRONG NƯỚC

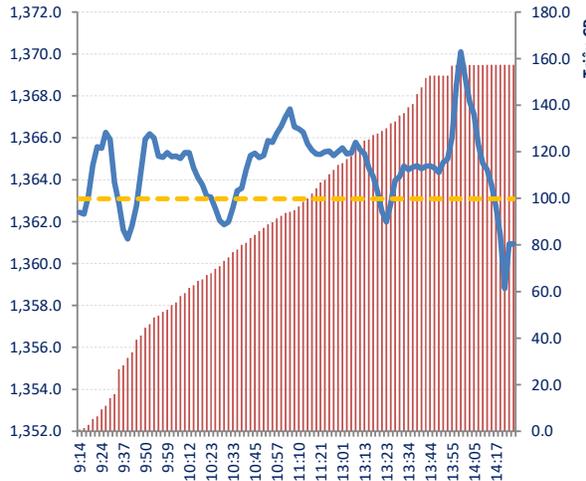
Giá vàng trong nước đi ngang	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 56,25 - 57,85 triệu đồng/lượng, không đổi ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 6 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 18/8 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.164 VND/USD, tăng 6 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

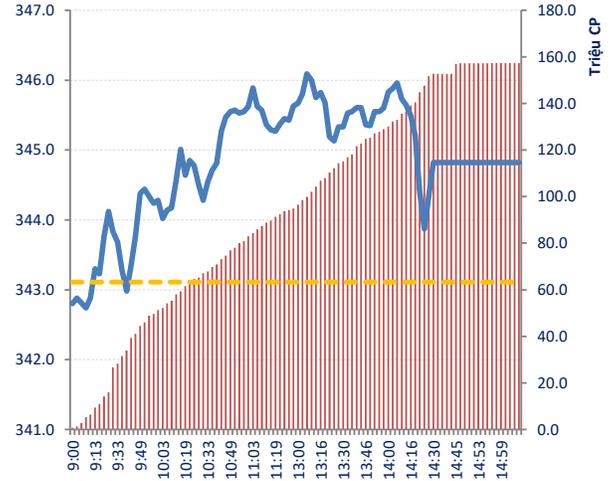
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 2,05 USD/ounce tương ứng với 0,11% lên 1.789,9 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,083 điểm tương ứng 0,09% xuống 93,058 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1724 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3755 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 109,63 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,68 USD/thùng tương ứng với 1,07% lên 67,03 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 17/8, Dow Jones giảm 282,12 điểm tương đương 0,79% xuống 35.343,28 điểm. Nasdaq giảm 137,58 điểm tương đương 0,93% xuống 14.656,18 điểm. Nasdaq Composite giảm 31,63 điểm tương đương 0,71% xuống 4.448,08 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



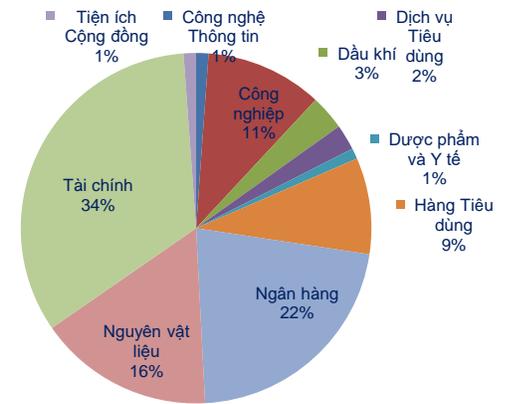
KLGD và HNX-Index trong phiên



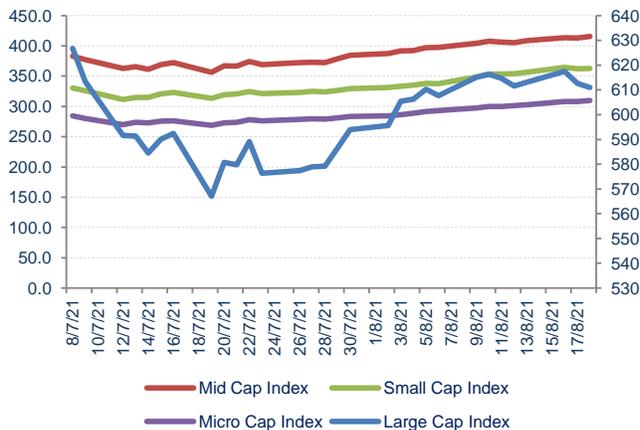
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



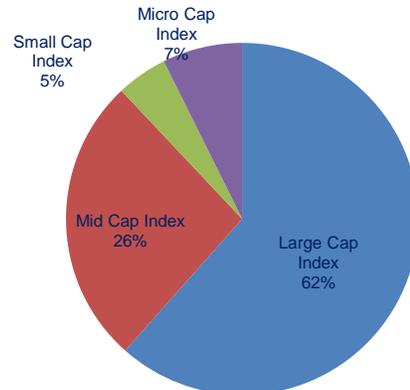
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MIG	394,800	FUEVFNVD	11,620,000
2	VHC	376,600	SSI	4,368,800
3	DIG	342,500	VHM	4,068,700
4	POW	234,800	VNM	1,809,500
5	E1VFN30	209,300	VRE	1,652,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	198,557	VND	917,300
2	PAN	124,900	DXP	297,900
3	TVB	57,600	BVS	105,400
4	VGS	37,700	BII	51,000
5	BSI	27,200	SHS	41,209

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	50.40	50.40	→ 0.00%	25,313,600
VHM	111.00	110.00	↓ -0.90%	23,516,400
STB	30.15	29.95	↓ -0.66%	22,891,200
TCB	53.30	52.80	↓ -0.94%	20,580,400
FIT	19.60	20.10	↑ 2.55%	20,113,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	26.80	27.30	↑ 1.87%	18,095,830
SHB	29.50	29.40	↓ -0.34%	14,946,981
VND	52.70	53.30	↑ 1.14%	14,505,474
SHS	52.20	53.10	↑ 1.72%	11,777,839
AMV	10.40	11.40	↑ 9.62%	5,708,905

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSH	27.15	29.05	1.90	↑ 7.00%
TYA	15.75	16.85	1.10	↑ 6.98%
CIG	7.30	7.81	0.51	↑ 6.99%
VMD	39.45	42.20	2.75	↑ 6.97%
DBD	44.50	47.60	3.10	↑ 6.97%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LUT	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
VCC	14.00	15.40	1.40	↑ 10.00%
VNT	62.60	68.80	6.20	↑ 9.90%
MAS	40.40	44.40	4.00	↑ 9.90%
CAG	22.30	24.50	2.20	↑ 9.87%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSC	70.00	65.20	-4.80	↓ -6.86%
VOS	14.65	13.65	-1.00	↓ -6.83%
AGM	33.00	30.80	-2.20	↓ -6.67%
FUESSV30	20.60	19.25	-1.35	↓ -6.55%
ST8	10.70	10.00	-0.70	↓ -6.54%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NAP	13.00	11.70	-1.30	↓ -10.00%
SDG	41.00	36.90	-4.10	↓ -10.00%
HCT	13.20	12.00	-1.20	↓ -9.09%
HLC	11.30	10.30	-1.00	↓ -8.85%
VLA	13.80	12.60	-1.20	↓ -8.70%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	25,313,600	39.5%	5,614	9.0	3.0
VHM	23,516,400	3250.0%	10,086	11.0	3.7
STB	22,891,200	11.8%	1,917	15.7	1.9
TCB	20,580,400	21.0%	4,614	11.6	2.2
FIT	20,113,500	3.4%	544	36.1	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	18,095,830	4.4%	1,212	22.1	1.0
SHB	14,946,981	15.4%	2,007	14.7	2.1
VND	14,505,474	34.3%	6,129	8.6	2.8
SHS	11,777,839	30.8%	4,721	11.1	2.5
AMV	5,708,905	3.8%	554	18.8	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VSH	↑ 7.0%	5.8%	835	32.5	1.7
TYA	↑ 7.0%	19.3%	2,966	5.3	1.0
CIG	↑ 7.0%	-17.2%	(897)	-	1.5
VMD	↑ 7.0%	10.1%	2,414	16.3	1.6
DBD	↑ 7.0%	16.9%	3,052	14.6	2.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LUT	↑ 10.0%	0.1%	6	648.3	0.3
VCC	↑ 10.0%	4.3%	530	26.4	1.2
VNT	↑ 9.9%	-13.1%	(2,032)	-	4.3
MAS	↑ 9.9%	-29.6%	(2,705)	-	5.0
CAG	↑ 9.9%	1.4%	150	148.8	2.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MIG	394,800	14.8%	1,605	12.7	1.8
VHC	376,600	13.5%	3,959	11.7	1.5
DIG	342,500	14.4%	1,646	19.5	2.7
POW	234,800	7.6%	1,017	11.2	0.8
1VFN3	209,300	N/A	N/A	N/A	N/A

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	198,557	4.4%	1,212	22.1	1.0
PAN	124,900	3.6%	1,049	29.3	1.0
TVB	57,600	27.6%	3,140	6.7	1.9
VGS	37,700	18.8%	3,374	7.2	1.3
BSI	27,200	17.7%	2,241	12.1	2.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	374,597	20.6%	5,533	18.3	3.6
VHM	371,796	36.6%	10,086	11.0	3.7
VIC	334,522	4.4%	1,727	57.3	2.3
HPG	225,435	39.5%	5,614	9.0	3.0
TCB	186,812	21.0%	4,614	11.6	2.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	74,725	34.1%	6,585	32.4	13.1
SHB	56,804	15.4%	2,007	14.7	2.1
VND	22,610	34.3%	6,129	8.6	2.8
VCS	19,776	42.1%	10,726	11.5	4.7
BAB	17,397	7.8%	876	26.4	2.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DAH	2.68	-7.1%	(696)	-	1.3
FTS	2.65	22.7%	3,596	15.0	3.1
CTS	2.50	19.5%	2,677	9.3	1.7
FIT	2.20	3.4%	544	36.1	1.1
VOS	2.12	26.7%	1,095	13.4	2.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VIG	2.78	-2.5%	(137)	-	0.9
WSS	2.31	8.7%	885	9.9	0.8
SHB	2.27	15.4%	2,007	14.7	2.1
APS	2.06	22.8%	2,232	6.3	1.3
ART	2.05	0.3%	32	313.2	0.9



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
